



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

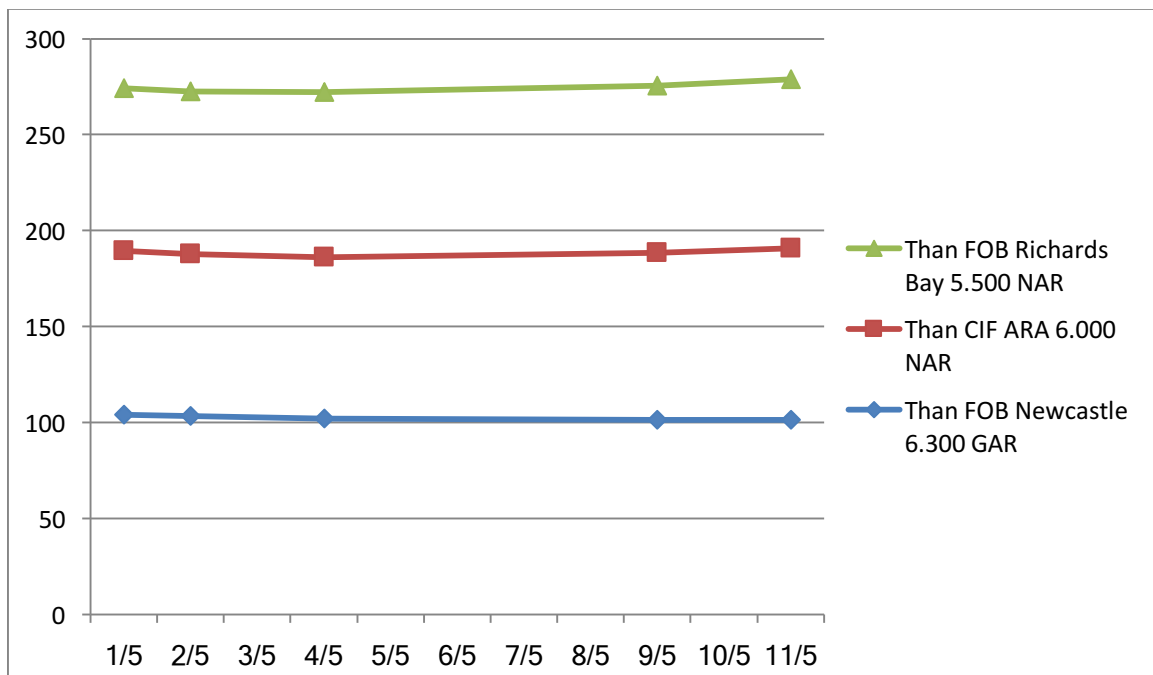
Ngày 14/05/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	101,50	-0,45	100,50	-0,05
CIF ARA 6.000 NAR	89,25	+2,00	91,00	+1,60
FOB Richards Bay 5.500 NAR	88,25	+0,50	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	77,50	+1,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	63,00	+1,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	52,60	+0,75	331,82	+3,42
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	71,60	+1,00	451,67	+4,51
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	84,75	+0,25	534,63	-0,56

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 09/05/2018)

ĐIỂM TIN

Nhập khẩu than tháng 8 của Việt Nam đạt 2,25 triệu tấn

Trong tháng 4, Việt Nam đã nhập khẩu 2,25 triệu tấn than, tăng 132,5% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức cao nhất tính từ tháng 8 năm ngoái. Indonesia tiếp tục là nhà cung ứng than lớn nhất cho Việt Nam trong tháng với 1,29 triệu tấn, tăng 161,2% so với năm trước. Nhập khẩu của Việt Nam tại các nước như Australia và Nga cũng tăng trong tháng 4. Trong 4 tháng đầu năm, Việt Nam nhập khẩu 5,85 triệu tấn than, tăng 27,9% so với cùng kỳ năm 2017, than nhập khẩu chủ yếu từ Indonesia, Australia và Nga. Ngoài ra Việt Nam cũng xuất khẩu 156.405 triệu tấn than trong tháng 4, tăng 34,4% so với năm 2017, chủ yếu sang Hàn Quốc và Nhật Bản. Trong 4 tháng đầu năm nay, Việt Nam đã xuất khẩu 735.623 tấn than, cao hơn 42,3% so với cùng kỳ năm trước và chủ yếu sang Nhật Bản và Hàn Quốc.

Nhu cầu mua than nhiệt Nam Phi giảm do giá tăng

Trong tuần này, nhu cầu mua than Nam Phi của khách hàng khu vực Nam Châu Á đã giảm mạnh do giá tăng cao. Một chuyến hàng 50.000 tấn than Nam Phi 6.000 kcal/kg NAR giao trong tháng 6 được giao dịch vào ngày 10/5 với giá 105 USD/tấn FOB Richards Bay, 1 chuyến hàng tương tự với giá 105,5 USD/tấn FOB. Đây là mức giá cao nhất được ghi nhận bởi S&P Global Platts từ năm 2016.

Trong khi đó khách hàng khu vực Nam Châu Á đang tìm nguồn than thay thế, than Australia, Indonesia và Mỹ đều đang được chào bán với mức giá thấp hơn. Một công ty tại Pakistan cho biết họ đang tìm mua 55.000 tấn than nhiệt tuy nhiên giá than Nam Phi lại quá cao. Thông thường khách hàng ưa thích than Nam Phi do thời gian vận chuyển bằng đường biển ngắn hơn so với một số nguồn than khác, tuy nhiên các giao dịch gần đây than Nam Phi đã được thay thế bằng than Mỹ và Colombia. Các công ty than Colombia đều mong muốn phát triển thị phần tại Pakistan, tuy nhiên các cảng tại Pakistan không đủ khả năng tiếp nhận tàu cỡ Capesize, điều này khiến chi phí vận chuyển từ Colombia sẽ khá cao. Một giải pháp cho vấn đề này là than từ Colombia sẽ được vận chuyển sang UAE bằng tàu Capesize, sau đó chuyển tải sang tàu cỡ Panamax đến Pakistan. Nhu cầu mua than của khách hàng Trung Đông và Pakistan là rất cao nhưng Nam Phi không thể đáp ứng được, do vậy phương án vận chuyển trên có thể là giải pháp tốt giúp đa dạng hóa nguồn than cung cấp cho khu vực này.

Dự trữ than tại các nhà máy nhiệt điện Ấn Độ giảm 2% trong tuần này

Tính đến ngày 9/5, mức dự trữ than nhiệt tại các nhà máy nhiệt điện của Ấn Độ đạt 15,49 triệu tấn, giảm 2% so với tuần trước đó và giảm 4,8% từ con số 16,26 triệu tấn của tháng trước, dữ liệu từ Trung tâm Điện lực Ấn Độ. Mức dự trữ hiện nay thấp hơn 28% so với con số 21,58 triệu tấn cùng kỳ năm trước, và chỉ đủ để sử dụng trong vòng 10 ngày, mức dự trữ này giữ ổn định từ ngày 21/4. Số lượng nhà máy rơi vào tình trạng thiếu than nghiêm trọng là 29 nhà máy, không thay đổi nhiều so với tuần trước đó. Tuy nhiên đỉnh điểm là ngày 5/5, 32 nhà máy rơi vào tình trạng thiếu than, thời điểm này trữ lượng than nhập khẩu chỉ đạt 515.000 tấn, tăng từ con số 507.000 tấn của tuần trước đó.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	10,20		+0,50
	Queensland	Nhật Bản	11,85		+0,50
	New South Wales	Hàn Quốc	12,45		+0,50
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,80		-0,20
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,75		+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,00		-0,20
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,10		+0,35
	Úc	Trung Quốc	12,80		+0,05
	Úc	Ấn Độ	14,25		+0,10

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 09/05/2018)